

Drag & Drop

yǒu nài xīn
有耐心

hào qí
好奇

yǒu lǐ mào
有礼貌

zì xìn
自信

nǔ lì
努力

chéng shí
诚实

yǒng gǎn
勇敢

cōng míng
聪明

yǒu hǎo
友好

hài xiū
害羞

shàn liáng
善良

xiōng
凶



kind



great effort

lè yú zhù rén
乐于助人
(xǐ huān bāng zhù rén)
helpful



mean



friendly



brave



shy

ān jìng
安静

quiet

yōu mò
幽默

humorous

dà fāng
大方

natural and open



smart

bù fàng qì
不放弃

not giving up



honest



confident

zì sī
自私

selfish



polite



patient

hài pà
害怕

scared

shēng qì
生气

angry



curious